

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 21-01-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phân công tham gia phiên tòa:*

1. Ông Nguyễn Thắng L - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Bà Kim Thị G - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Trong các ngày 16, 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hứa Đ, sinh năm 1973 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa B, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Châu Thị L1, sinh năm 1951; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2023 đến ngày 21/9/2023 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Cao Thọ B1, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: Số B, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số A, đường C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Quản lý; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn N, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Hồ Thị T, sinh năm 1949 (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là người thứ ba; bị cáo có 01 con sinh năm 2007; tiền án:

Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2023 đến ngày 27/9/2023 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: Hứa H, sinh năm 1978 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Quản lý; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa B, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Châu Thị L1, sinh năm 1951; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là người thứ hai; bị cáo có 02 người con sinh năm 2014 và sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Thanh T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lê Trí D, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

3. Ông Trương Văn Hậu E, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp D, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

5. Ông Châu Minh K, sinh năm 2006; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

6. Ông Thạch Ngọc C, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Thành L2, sinh năm 1991; địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

8. Bà Cao Sa N1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

9. Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

10. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

11. Bà Trần Thị Tuyết N2, sinh năm 1995; địa chỉ: Số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

12. Ông Trần Vũ K1, sinh năm 1995; địa chỉ: Số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

13. Ông Đỗ Văn L3, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, đường V, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

15. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số C, đường D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

16. Bà Đỗ Hoài A, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

17. Ông Nguyễn Minh K2, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

18. Ông Nguyễn Văn L4, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

19. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

20. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

21. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

22. Ông Lê Bá T5, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

23. Bà Trương Thị N4, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

24. Ông Nguyễn Khắc H3, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

25. Ông Thạch Ngọc L5, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

26. Công ty TNHH Một Thành Viên M2, địa chỉ trụ sở chính: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100534626, đăng ký lần đầu ngày 28/6/2013, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 03/11/2014, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một Thành Viên M2: Ông Hứa Đ, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Pháp lý doanh nghiệp, nguồn gốc các thửa đất có liên quan trong vụ án.
- Tại địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh: Công ty TNHH Một Thành Viên M2 (gọi tắt là Công ty M2) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100534626, đăng ký lần đầu ngày 28/6/2013, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 03/11/2014, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh, địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Ngành nghề: Thu gom và xử lý rác thải (không độc hại, độc hại); tái chế phế liệu,... được Bộ T8 cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại số QLCTNH: 3-4-5-6.112.VX ngày 21/12/2017 (cấp lần đầu) và mã số

QLCTNH 3-4-5-6.VX ngày 21/12/2021 (cấp lần 02) có cơ sở duy nhất tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Công ty M2 do Hứa Đ làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Công ty M2 được UBND tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất (liền kề) tại huyện T, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích là 34.261,8 m², gồm: Thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 4, ấp T, xã T, huyện T với diện tích 30.898,6 m² và thửa đất số 2300, tờ bản đồ số 3, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh với diện tích: 3.363,2 m²; mục đích sử dụng của 02 thửa đất là đất bãi thải, xử lý chất thải, thời hạn sử dụng đến ngày 21/4/2034, để thực hiện dự án xây dựng xưởng thu gom, phân loại và xử lý chất thải theo chủ trương của UBND tỉnh T. Về hiện trạng khu đất, trước thời điểm Công ty M2 được cấp 02 Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 11/8/2014, một nửa phía trước khu đất thuộc thửa đất 1725 (nay là khu vực nhà máy X sinh hoạt, công nghiệp của Công ty K3) là bãi tập kết rác thải sinh hoạt lộ thiên của huyện T, một nửa phía sau khu đất thuộc thửa đất 1725 (nay là khu vực nhà máy xử lý chất thải của Công ty M2) và toàn bộ thửa số 2300 là đất ruộng, ao hồ, không có chất thải được chôn lấp, đổ thải tại khu vực này. Công ty M2 chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại và có nhà máy xử lý có diện tích 17.000 m² trên hai thửa đất nêu trên.

Ngày 13/6/2016, Hứa Đ tiếp tục thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K3 (gọi tắt là Công ty K3) do bà Trần Thị Việt H4 làm Giám đốc (vợ Hứa Đ, bà H4 đã chết do bệnh vào ngày 03/9/2019) để quản lý nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt, hoạt động trên phân diện tích còn lại của 02 thửa đất nêu trên. Đến ngày 19/01/2023 Công ty K3 đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKKD lần 01, nội dung thay đổi từ Công ty TNHH một thành viên K3 thành Công ty TNHH K3 gồm 02 thành viên là Hứa Đ và Hứa Trần Trường P2, sinh năm: 2004, địa chỉ: C N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (con ruột H), thay đổi người đại diện theo pháp luật từ bà H4 sang cho Hứa Đ. Sau khi bà H4 chết, Hứa Đ là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty K3 đến nay, Hứa H (em ruột Hứa Đ) được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc.

- Tại địa bàn xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: Ngày 07/8/2018, Hứa Đ nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông Lê Bá T5, sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương đối với một phần quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 575734 (số vào sổ cấp GCN 00307QSDĐ/PG) do UBND huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/4/2001 đối với thửa đất số 08 tờ bản đồ số 03, với diện tích là 12.544,7 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Ngày 21/9/2018, Hứa Đ đăng ký thành lập hộ kinh doanh K4 và được Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46D8024100. Ngành nghề: Dịch vụ cho thuê kho bãi; mua bán phế liệu tái chế, than đá. Đại diện hộ kinh doanh là Thạch Ngọc L5, sinh năm: 1994, địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ hoạt động tại thửa đất số 08 tờ bản đồ số 03 mà Hứa Đ nhận chuyển nhượng từ ông Lê Bá T5. Thực tế cơ sở K5 thuộc sở hữu của Hứa Đ, do Đ nhờ Thạch Ngọc L5 là nhân viên, tài xế của Đ đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Mọi hoạt động của

cơ sở Kim P3 đều do Đ chỉ đạo, điều hành, L5 không tham gia các hoạt động kinh doanh của cơ sở K5.

Ngày 26/11/2020, Hứa Đ nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ458995 (số vào sổ cấp GCN CS05621) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/9/2019 đối với một phần thửa đất số 09 tờ bản đồ số 03, với diện tích là 3.466,6m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Sau đó, Đ tiến hành thủ tục đăng ký hợp thửa đất 08 với một phần thửa 09 thành thửa số 844 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cấp Giấy chứng nhận đăng ký QSDĐ số CY 053602 cấp ngày 31/12/2020.

Ngày 31/12/2020, Hứa Đ tiếp tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ gia đình bà Trương Thị N4, sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W331456 (số vào sổ cấp GCN 01438QSDĐ/PG) do UBND huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2004 đối với thửa đất số 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, với diện tích 12.168m², trong đó có 400m² đất ở nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác.

Hiện trạng các thửa đất trước khi Hứa Đ nhận chuyển nhượng là đất trồng cây cao su, trên đất không có chất thải. Sau khi nhận bàn giao đất từ các hộ dân, H tiến hành thanh lý cây cao su. Khoảng tháng 01/2021, Hứa Đ tiến hành xây dựng 05 nhà xưởng bằng thép, mái tôn có diện tích 3.750m², nhà ở công nhân, phòng làm việc diện tích 700m². Toàn bộ các công trình trên đều không có giấy phép xây dựng theo quy định.

2. Quá trình phát hiện hành vi chôn, lấp chất thải của Công ty M2.

Ngày 23/8/2022, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 phát hiện xe ô tô biển số 61C-394.53 kéo romooc biển số 61R-034.80 do Cao Thọ B1 điều khiển chở 49.280 kg chất thải là xỉ than lò hơi từ Công ty TNHH P4 (Công ty P5) đang thực hiện hành vi đổ thải trái pháp luật tại thửa đất số 844, 05, 06, 10 thuộc tổ A, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Sau đó, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 chủ trì phối hợp cùng Thanh tra Bộ T8, Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B, Công an huyện P và Công an xã T tiến hành kiểm tra hành chính về môi trường đối với thửa đất trên theo Quyết định kiểm tra số 27/QĐ-KTĐĐ ngày 18/8/2022 của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường để xác minh, kết quả kiểm tra xác định: Các thửa đất nêu trên với tổng diện tích là 28.731m² (28.331m² đất trồng cây lâu năm, 400m² đất ở tại nông thôn) thuộc quyền sử dụng của Hứa Đ là Giám đốc Công ty M2. Quá trình kiểm tra, phát hiện đã chôn lấp khối lượng lớn chất thải rắn tại 02 vị trí trên các thửa đất.

Ngày 08/9/2022, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 phối hợp Thanh tra Bộ T8, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh T, Công an huyện T và Công an xã T kiểm tra công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với Công ty M2 tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 29/QĐ-KT ngày 08/9/2022 của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3. Quá trình kiểm tra, phát hiện các khu vực

xung quanh nhà xưởng trong khuôn viên nhà máy của Công ty M2 chôn lấp một lượng lớn chất thải rắn trái pháp luật.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền.

3. Diễn biến hành vi chôn, lấp chất thải.

* Hành vi chôn lấp chất thải tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Khoảng năm 2018, Hứa Đ đại diện Công ty M2 ký kết hợp đồng thu gom, xử lý chất thải với các công ty trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm: Công ty TNHH P4, địa chỉ: Lô B-5B-CN đường DC, khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 34.155.360 kg. Công ty TNHH D1, địa chỉ: Lô B-3F-CN, khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 344.960 kg. Công ty TNHH C4 (trước đây là Công ty TNHH C5), địa chỉ: Khu S, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 645.650 kg.

Chất thải thu gom từ các doanh nghiệp nêu trên gồm: Chất thải nguy hại, phế liệu tái chế, tro bay, xỉ than,... Đối với chất thải nguy hại được đưa về Công ty M2 để xử lý theo quy trình, còn phế liệu tái chế thì đưa về kho tại xã T, huyện P để phân loại, bán phế liệu. Riêng tro bay, xỉ than nếu có nhu cầu sản xuất gạch không nung thì đưa về Công ty M2 để xử lý hoặc bán cho một số người mua lẻ để làm than đá, than tổ ong, phân bón... hoặc bàn giao cho Công ty TNHH T9 (Công ty T9) tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo quy trình xử lý chất thải.

Đến cuối năm 2020, do muốn cắt giảm chi phí vận chuyển và chi phí xử lý chất thải, tăng lợi nhuận nên Hứa Đ đã nảy sinh ý định lấy chất thải là tro, xỉ than đem chôn, lấp vào các thửa đất tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nơi có địa hình thấp để tạo bề mặt bằng phẳng, nâng cao giá trị thửa đất, sau này có thể xây dựng nhà xưởng, kho bãi.

Để thực hiện ý định, Hứa Đ thuê xe đầu kéo biển số 61C-394.53, rơ moóc biển số 61R-034.80 của bà Đỗ Hoài A là vợ của Cao Thọ B1 và xe đầu kéo biển số 61C- 426.93, rơ moóc biển số 61R-038.46 của ông Nguyễn Văn P1 để làm phương tiện vận chuyển tro, xỉ than từ các chủ nguồn thải về chôn lấp tại các thửa đất xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hứa Đ giao cho Cao Thọ B1 quản lý công việc chôn lấp chất thải tại đây.

Cao Thọ B1 thực hiện theo chỉ đạo của Hứa Đ, phân công các công nhân của Công ty M2 gồm: Cao Thanh T1, Trần Văn T2, Thạch Ngọc C, Châu Minh K là điều khiển các phương tiện của Công ty M2 như xe đầu kéo biển số 61C-394.53, rơ moóc biển số 61R-034.80; xe đầu kéo biển số 61C- 426.93, rơ moóc biển số 61R-038.46; xe tải biển số 61C-17975; xe nâng hiệu KOMATSU; xe cuốn hiệu KOBELCO-SK07; xe xúc hiệu MINGYU-HJ946G tiến hành vận chuyển, chôn lấp chất thải. Sau khi chôn lấp chất thải xong và tạo được bề mặt bằng phẳng thì sẽ tiến hành phủ đất cát hoặc đổ bê tông lên bề mặt nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Việc chôn lấp chất thải tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương diễn ra từ cuối năm 2020 đến khi bị Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 phát hiện vào ngày 23/8/2022.

Căn cứ kết quả điều tra vụ án, từ ngày 10/7/2023 đến ngày 30/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành bốc dỡ, cân xác định toàn bộ khối lượng chất thải bị chôn lấp tại các thửa đất 844, 05, 06, 10 tại xã T, huyện P tỉnh Bình Dương. Kết quả xác định:

- Tại khu vực chôn lấp chất thải ở phía Đông dãy nhà xưởng giáp với đường ĐH 516, cổng chính, cổng phụ của Công ty M2 (khu vực bãi trước) có diện tích $110\text{m} \times 73\text{m} = 8.030\text{m}^2$, chiều sâu trung bình 0,65m, khối lượng chất thải bốc dỡ được là 2.298.160kg (hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi kilogam).

- Tại khu vực chôn lấp chất thải ở phía Tây dãy nhà xưởng giáp với Suối T6 (khu vực bãi sau) có diện tích $120\text{m} \times 103\text{m} = 12.360\text{m}^2$, chiều sâu trung bình 1,275m, khối lượng chất thải bốc dỡ được là 10.796.330 kg (mười triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi kilogam).

Tổng cộng: $2.298.160 + 10.796.330 = 13.094.490\text{kg}$ (mười ba triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi kilogam).

Sau khi bốc dỡ, toàn bộ chất thải được bàn giao cho Công ty M2 bảo quản theo quy định về bảo vệ môi trường đến khi có quyết định xử lý vật chứng của cơ quan có thẩm quyền.

* Hành vi chôn lấp chất thải tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Năm 2017, Hứa Đ có lắp đặt, xây dựng 01 lò đốt chất thải sinh hoạt và công nghiệp có công suất thiết kế 40 tấn/ngày đêm trên phần đất của Công ty K3 và 01 lò đốt chất thải nguy hại, công nghiệp có công suất thiết kế 24 tấn/ngày đêm trên phần đất của Công ty M2 để xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp từ các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Khi 02 lò đốt trên đi vào hoạt động đã phát sinh ra một số lượng lớn tro, xỉ. Đối với số tro, xỉ có kích thước nhỏ, nhuyễn, Hứa Đ chỉ đạo công nhân đóng gạch không nung.

Từ năm 2018, do khối lượng tro, xỉ phát sinh hàng ngày rất lớn, việc sản xuất gạch không sử dụng hết số tro xỉ, lợi nhuận từ việc bán gạch không cao. Mặt khác đối với loại tro, xỉ có kích thước lớn không thể đóng gạch được nên Hứa Đ đã nảy sinh ý định chôn, lấp số chất thải tro, xỉ ngay trong khuôn viên của Công ty M2 tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Để thực hiện ý định, Hứa Đ giao cho em trai là Hứa H làm quản lý nhà máy xử lý chất thải tại Trà Vinh, bổ nhiệm H làm Phó Giám đốc Công ty K3. Hứa Hiệp chỉ đạo các công nhân của Công ty M2 gồm: Cao Sa N1, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thành L2, Trần Thanh T3 điều khiển các xe ô tô tải ben biển số 72C-06170 và 54V-7083, xe cuốn nhãn hiệu LONGKING-HJ946G vận chuyển tro, xỉ phát sinh từ các lò đốt đi chôn, lấp trong khuôn viên Công ty M2, sau đó dùng đất, cát phủ lên trên bề mặt các điểm chôn lấp chất thải nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Khi Hứa Hiệp V, Cao Sa N1 và Trần Thị Kim P sẽ quản lý thay cho Hứa H các công việc tại đây. Việc chôn, lấp số chất thải diễn ra từ năm 2018 đến khi bị Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ C3 phát hiện vào ngày 08/9/2022.

Ngày 28/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định số 61/QĐ-CSKT (Đ4) về việc ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành một số hoạt động điều tra trong vụ án. Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện lấy mẫu chất thải cân trực tiếp, xác định khối lượng $01\text{m}^3 = 1.135 \text{ kg}$. Ngày 07/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đề nghị Trung tâm Quy hoạch và Giám định thuộc Sở Xây dựng tỉnh T phối hợp xác định khối lượng chất thải. Ngày 20/7/2023, Trung tâm Quy hoạch và Giám định kết luận thể tích chất thải là $5.695,88 \text{ m}^3$ (năm nghìn sáu trăm chín mươi lăm phẩy tám mươi tám mét khối). Kết hợp kết quả khảo sát lấy mẫu và đo đạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T xác định tổng khối lượng chất thải chôn lấp: $5.695,88\text{m}^3 \times 1.135\text{kg} = 6.464.823,8 \text{ kg}$ (sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi ba phẩy tám kilogam).

Như vậy, tổng khối lượng chất thải chôn lấp tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh là: $13.094.490 \text{ kg} + 6.464.823,8 \text{ kg} = 19.559.313,8 \text{ kg}$.

Quá trình điều tra, Hứa Đ khai nhận số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động chôn, lấp chất thải trái pháp luật được khoảng 2.618.898.000 đồng.

4. Thu giữ đồ vật, tài liệu trong vụ án.

- Công cụ, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến vụ án hình sự tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-426.93, nhãn hiệu: CNHTC, loại xe: Đầu kéo; màu sơn: Bạc; trọng tải: 14570. 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-394.53, nhãn hiệu: CNHTC, loại xe: Đầu kéo; màu sơn: Trắng; trọng tải: 15175. 01 (một) romooc biển số: 61R-034.80, nhãn hiệu: CIMC, loại xe: Romooc; màu sơn: Xanh; trọng tải: 30600. 01 (một) romooc biển số: 61R-038.46, nhãn hiệu: CIMC, loại xe: Romooc; màu sơn: Xanh; trọng tải: 30660. 01 (một) xe ô tô tải biển số: 61C-17975, nhãn hiệu: HYUNDAI, loại xe: Tải tự đổ; Số loại: 15TON; Dung tích: 16031; màu sơn: Trắng; trọng tải: 11800. 01 (một) xe nâng nhãn hiệu KOMATSU (không có giấy tờ). 01 (một) xe nâng nhãn hiệu TCM (không có giấy tờ). 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu KOBELCO-SK07 (không có giấy tờ). 01 (một) xe xúc nhãn hiệu MINGYU-HJ946G (không có giấy tờ).

- Công cụ, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến vụ án hình sự tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: 01 (một) xe ô tô tải ben biển số: 72C-06170 (không có giấy tờ). 01 (một) xe ô tô tải ben biển số: 54V-7083 (không có giấy tờ). 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu LONGKING-HJ946G (không có giấy tờ).

- Đồ vật, tài liệu tạm giữ trong quá trình bắt tạm giam, thu giữ trên người bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1; thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở, địa điểm của bị cáo Hứa Đông G1:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen, số máy MNQM2VN/A (tạm giữ trên người bị cáo Hứa Đ);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu xanh, số máy: MGD3X/A (tạm giữ trên người bị cáo Hứa Đ);

+ 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, chưa kiểm tra tình trạng hoạt động (tạm giữ trên người bị cáo Cao Thọ B1).

+ 03 (ba) CPU máy tính màu đen (02 CPU nhãn hiệu Dell, 01 CPU không rõ nhãn hiệu).

- Chất thải rắn thông thường, khối lượng 13.094.490 kg hiện đang bảo quản tại thửa đất 844, 05, 06, 10 thuộc tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Chất thải rắn thông thường, khối lượng 6.464.823,8 kg theo Công văn số 345/CSKT ngày 02/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T về việc trả lời ủy thác điều tra. Chất thải hiện đang bị chôn lấp tại thửa đất số 1725, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Kết luận giám định.

* Căn cứ Kết luận giám định tư pháp ngày 05/11/2022 của ông Ngô Thành Đ1 - Giám định viên tư pháp lĩnh vực môi trường đối với chất thải chôn lấp tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Quyết định trưng cầu giám định số 752/QĐ-CSKT-Đ4 ngày 28/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, kết luận như sau: Chất thải rắn chôn, lấp trên toàn bộ khu đất gồm các thửa đất số 844, 5, 6, 10, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương là chất thải rắn thông thường (không thuộc chất thải nguy hại).

* Căn cứ Kết luận giám định tư pháp ngày 05/11/2022 của ông Ngô Thành Đ1 - Giám định viên tư pháp lĩnh vực môi trường đối với chất thải chôn lấp tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo Quyết định trưng cầu giám định số 100/QĐ-CSKT ngày 06/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T kết luận: Chất thải rắn thu tại khu vực đổ, chôn lấp chất thải rắn trong khuôn viên của Công ty M2 tại thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là chất thải rắn thông thường (không thuộc chất thải nguy hại).

* Căn cứ Kết luận giám định số 319 ngày 23/6/2023 của Phòng K6 Công an tỉnh B kết luận:

“- Trong mẫu vật gửi giám định A1, trích xuất được: 15 (mười lăm) tin nhắn SMS; 33 (ba mươi ba) tin nhắn IMessenger; 88 (tám mươi tám) tin nhắn trong ứng dụng Viber; 465 (bốn trăm sáu mươi lăm) nhật ký cuộc gọi; 1617 (một ngàn sáu trăm mười bảy) cuộc gọi trong ứng dụng Viber; 27 (hai mươi bảy) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Hứa Đông” và “Ly Tx”; 183 (một trăm tám ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Hứa Đông” và “Đông Hứa”; 29 (hai mươi chín) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Hứa Đông” và “Bác P1”.

- Trong mẫu vật gửi giám định A2, trích xuất được: 7432 (bảy ngàn bốn trăm ba mươi hai) tin nhắn Imessenger; 478 (bốn trăm bảy mươi tám) nhật ký cuộc gọi; 09 (chín) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Bác L3”; 21 (hai mươi mốt) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Bác P1”; 52 (năm mươi hai) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa và “Cao Bình”; 13 (mười ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Hận Thợ Hồ”; 10 (mười) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Hứa Đông”; 67 (sáu mươi bảy) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Khoa Vp”; 04 (bốn) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “A Kha Giám Sát Tv”; 43 (bốn mươi ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Ly Tx”; 187 (một trăm tám mươi bảy) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản “Đông Hứa” và “Nga Kế Toán”; 120 (một trăm hai mươi) tin nhắn trong ứng dụng Zalo

giữa tài khoản "Đông Hứa" và "Lữ Stn Môi Trường Tv"; 12 (mười hai) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Đông Hứa" và "Thiện Quang Trắc T7"; 23 (hai mươi ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Đông Hứa" và "Trần Ngọc L6".

- Trong mẫu vật gửi giám định A3, trích xuất được: 281 (hai trăm tám mươi mốt) tin nhắn SMS; 3000 (ba ngàn) nhật ký cuộc gọi; 990 (chín trăm chín mươi) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Anh Cao T1"; 286 (hai trăm tám mươi sáu) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Anh Đ"; 136 (một trăm ba mươi sáu) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Khoa Cty"; 174 (một trăm bảy mươi bốn) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "C" và "Li Tài Xế"; 913 (chín trăm mười ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Nga Cty"; 94 (chín mươi bốn) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Pha Tran"; 103 (một trăm lẻ ba) tin nhắn trong ứng dụng Zalo giữa tài khoản "Cao Bình" và "Tèo 84c06569".

- Trong mẫu vật gửi giám định A4, trích xuất được: 1948 (một ngàn chín trăm bốn mươi tám) tập tin E1; 2049 (hai ngàn không trăm bốn mươi chín) tập tin PDF; 4101 (bốn ngàn một trăm lẻ một) tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định A5, trích xuất được: 331 (ba trăm ba mươi mốt) tập tin Excel; 800 (tám trăm) tập tin PDF; 357 (ba trăm năm mươi bảy) tập tin Word.

- Trong mẫu vật gửi giám định A6, trích xuất được: 633 (sáu trăm ba mươi ba) tập tin Excel; 967 (chín trăm sáu mươi bảy) tập tin PDF; 1254 (một ngàn hai trăm năm mươi bốn) tập tin W.

Kèm theo Kết luận giám định (nếu có): Phụ lục gồm 456 trang giấy khổ A4. 01 (một) USB màu đen, có chữ HOCO, dung lượng: 16GB bên trong chứa dữ liệu các tập tin Excel, PDF, Word của mẫu vật A4, A5, A6.

- Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định.

H5 lại đối tượng giám định: Trả lại toàn bộ đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

6. Các tài sản của bị cáo Hứa Đ đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành kê biên và ngăn chặn giao dịch để đảm bảo việc khắc phục hậu quả thiệt hại trong vụ án (phụ lục kèm theo).

- Đối với tài sản Nhà xưởng diện tích 600m² gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay do Công ty M2, Công an huyện T quản lý, bảo vệ hiện trạng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính: 2.618.898.000 đồng, cần buộc bị cáo Hứa Đ giao nộp để tịch thu sung nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSPG ngày 28/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1, Hứa H về tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ

nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Bị cáo Hứa Đ phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Hứa Đ hình phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.

2. Bị cáo Cao Thọ B1 phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Cao Thọ B1 mức hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

3. Bị cáo Hứa H phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Hứa H hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Đối với 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-426.93, nhãn hiệu: CNHTC, loại xe: Đầu kéo; màu sơn: Bạc; trọng tải: 14570 và rơ móc biển số 61R-038.46 của ông Nguyễn Văn P1. Vào khoảng tháng 3 năm 2020, ông P1 cho Công ty M2 thuê xe ô tô trên để kinh doanh vận chuyển chất thải, ông P1 không biết Công ty M2 sử dụng xe ô tô trên làm phương tiện phạm tội, đề nghị trả lại xe ô tô đầu kéo biển số 61C-426.93 và rơ móc biển số 61R-038.46 cho ông Nguyễn Văn P1 quản lý sử dụng.

- Đối với 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-394.53 và 01 (một) rơ móc biển số: 61R-034.80 là của bà Đỗ Hoài A. Tháng 6/2019, bà Đỗ Hoài A cho Công ty M2 thuê có ký hợp đồng thuê xe, bà Đỗ Hoài A không biết Công ty M2 sử dụng xe ô tô trên vào việc phạm tội, đề nghị trả lại xe ô tô trên cho bà Đỗ Hoài A.

- Đối với 01 (một) xe cuốn nhãn hiệu KOBELCO-SK07 (không có giấy tờ); 01 (một) xe cuốn hiệu LONGKING-HJ946G (số khung: YW-0579, số máy: 938264); (một) xe xúc nhãn hiệu MINGYU-HJ946G do Công ty TNHH M2 thuê của ông Nguyễn Khắc H3 có hợp đồng thuê xe. Việc Công ty M2 sử dụng các phương tiện trên vào việc phạm tội, ông H3 không biết, đề nghị trả lại các xe ô tô trên cho ông Nguyễn Khắc H3.

- Đối với 01 (một) xe ô tô tải biển số: 61C-17975; 01 (một) xe nâng nhãn hiệu KOMATSU (không có giấy tờ), 01 (một) xe nâng nhãn hiệu TCM (không có giấy tờ); 01 (một) xe ô tô tải ben biển số: 72C-06170 (không có giấy tờ), 01 (một) xe ô tô tải ben biển số: 54V-7083 (không có giấy tờ) là tài sản của Công ty TNHH M2 do Hứa Đ là người đại diện theo pháp luật mua lại của người khác, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen, số máy MNQM2VN/A của Hứa Đông; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu xanh, số máy: MGD3X/A của Hứa Đ; 03 (ba) CPU máy tính màu đen (02 CPU nhãn hiệu Dell, 01 CPU không rõ nhãn hiệu của Công ty M2, không sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Hứa Đ.

- 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu Oppo, màu xanh đen của Cao Thọ B1 không sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo B1.

- Đối với chất thải rắn thông thường, khối lượng 13.094.490 kg hiện đang bảo quản tại thửa đất 844, 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương là vật chứng của vụ án, đề nghị bị cáo Hứa Đ liên đới cùng Cao Thọ B1 chịu trách nhiệm chi phí xử lý chất thải rắn thông thường đối với khối lượng chất thải rắn được chôn lấp tại thửa đất 844, 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Đối với chất thải rắn thông thường, khối lượng 6.464.823,8 kg hiện đang bị chôn lấp tại thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 04, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đề nghị bị cáo Hứa Đ liên đới cùng bị cáo Hứa Hiệp C1 trách nhiệm đối với chi phí xử lý chất thải rắn thông thường được chôn lấp tại thửa đất trên.

Tiếp tục kê biên tài sản và ngăn chặn giao dịch tài sản của bị cáo Hứa Đ để đảm bảo việc thi hành án:

* Kê biên các tài sản:

- Tài sản 1: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 2: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 3: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 4: Thửa đất số 107 và thửa số 165, tờ bản đồ số 28 tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 5: Thửa đất số 1552, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 6: Thửa đất số 1553, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 7: Thửa đất số 663, tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 8: Thửa đất số 2132, diện tích 150m², tờ bản đồ số 10, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 9: Thửa đất số 844, diện tích 15.358,6m², thửa đất số 5 có diện tích 5236,5m², thửa đất số 6 có diện tích 8338,6m², thửa đất số 10 có diện tích 1963,8m², tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Tiếp tục ngăn chặn giao dịch đối với các tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã có công văn gửi các cơ quan quản lý đất đai ngăn chặn giao dịch đối với các quyền sử dụng đất của Hứa Đ và bà Trần Thị Việt H4 (vợ của bị cáo Hứa Đ) gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 82, diện tích 385m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 075772, số vào sổ CH 01695/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/01/2011 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 82, diện tích 599m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 254645, số vào sổ CH 0195/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/02/2010 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 569, tờ bản đồ số C (DC8-2), diện tích 1.106m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 142374, số vào sổ H0 4022/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2009 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 570, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.765m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 398117, số vào sổ CS 12865 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/02/2017 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 5: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.764m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 763245, số vào sổ CS 11082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/02/2016 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 6: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1093, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.744,5m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262199, số vào sổ CH 08046/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 7: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.371m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262200, số vào sổ CH 08047/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 8: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 773, 1589, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.260,6m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 399068, số vào sổ CH 05698/BC do Ủy ban nhân dân

thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/6/2011 cho Trần Thị Việt H4 và Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 9: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1607, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.716,9m² và thửa số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích 533,4m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 657763, số vào sổ CH 09991/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/5/2015 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, bị cáo Hứa Đ thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể: Bị cáo Hứa Đ là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, chỉ đạo cho Cao Thọ B1 làm quản lý, điều hành các công nhân thu gom, vận chuyển, chôn, lấp ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường với khối lượng 13.094.490 kg tại các thửa đất 844, 05, 06, 10 tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương và bị cáo Hứa H thu gom vận chuyển, chôn, lấp ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường với khối lượng 6.464.823,8kg tại khuôn viên Công ty TNHH M2 thuộc huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Thọ B1 thừa nhận hành vi phạm tội: Với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Hứa Đ, cụ thể được bị cáo Hứa Đ giao nhiệm vụ quản lý Công ty M2 trên địa bàn xã T bằng lời nói. Bị cáo Hứa Đ giao cho bị cáo Cao Thọ B1 trực tiếp điều hành tài xế, phương tiện đi nhận chất thải, vận chuyển chất thải, trực tiếp điều hành công nhân chôn lấp chất thải tro, xỉ than tại các thửa đất số 844, 05, 06, 10 tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương với tổng khối lượng chôn lấp chất thải rắn thông thường ra môi trường 13.094.490 kg.

Tại phiên tòa, bị cáo Hứa H thừa nhận hành vi phạm tội: Với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Hứa Đ được bị cáo Hứa Đ giao quản lý, điều hành trực tiếp các công nhân thu gom, vận chuyển, chôn, lấp ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường với khối lượng 6.464.823,8kg tại khuôn viên Công ty TNHH M2 thuộc huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo thống nhất với kết luận giám định của cơ quan giám định về khối lượng chất thải rắn thông thường bị chôn lấp trái pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh, tội danh, mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị và không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc H3 trình bày: Ông Nguyễn Khắc H6 có cho Công ty TNHH M2 thuê 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu KOBELCO-SK07; 01 (một) xe cuốc hiệu LONGKING-HJ946G (số khung: YW-0579, số máy: 938264); 01 (một) xe xúc nhãn hiệu MINGYU-HJ946G có lập hợp đồng thuê xe. Việc Công ty TNHH M2 sử dụng các phương tiện trên vào việc phạm tội, ông H6 không biết, đề nghị trả lại các xe ô tô trên cho ông Nguyễn Khắc H3.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P1 trình bày: Ông Nguyễn Văn P1 có lập hợp đồng thuê xe với Công ty TNHH M2 gồm 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-426.93, nhãn hiệu: CNHTC, loại xe: Đầu kéo; màu sơn: Bạc; trọng tải: 14570 và rơ móc biển số 61R-038.46. Vào

khoảng tháng 3 năm 2020, ông Nguyễn Văn P1 có cho Công ty TNHH M2 thuê xe ô tô trên để kinh doanh vận chuyển chất thải, ông Nguyễn Văn P1 không biết Công ty TNHH M2 sử dụng xe ô tô trên làm phương tiện phạm tội, đề nghị trả lại xe ô tô đầu kéo biển số 61C-426.93 và rơ móc biển số 61R-038.46 cho ông Nguyễn Văn P1 quản lý sử dụng hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hoài A trình bày: Vào tháng 6/2019, bà Đỗ Hoài A có lập hợp đồng thuê với Công ty TNHH M2 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-394.53 và 01 (một) rơmooc biển số: 61R-034.80, bà Đỗ Hoài A không biết Công ty TNHH M2 sử dụng xe ô tô trên vào việc phạm tội, đề nghị trả lại xe ô tô trên cho bà Đỗ Hoài A.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hứa Đ: Do tình hình của dịch bệnh, việc vận chuyển và xử lý chất thải gặp nhiều khó khăn nên bị cáo có ý định chôn lấp làm mặt bằng tại khu vực của hai công ty ở tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh, bị cáo thống nhất với kết luận giám định, đã vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm khắc phục hậu quả đã gây ra.

Lời nói sau cùng của bị cáo Cao Thọ B1: Bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm khắc phục hậu quả đã gây ra.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hứa H: Bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm khắc phục hậu quả đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa H khai nhận:

[4] Hành vi chôn lấp chất thải tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng năm 2018, bị cáo Hứa Đ là đại diện hợp pháp của Công ty M2 ký kết hợp đồng

thu gom, xử lý chất thải với các Công ty trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm Công ty TNHH P4, địa chỉ: Lô B-5B-CN đường DC, khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 34.155.360 kg. Công ty TNHH D1, địa chỉ: Lô B-3F-CN, khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Bình Dương, khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 344.960 kg. Công ty TNHH C4 (trước đây là Công ty TNHH C5), địa chỉ: Khu S, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, khối lượng chất thải bàn giao cho Công ty M2 xử lý là 645.650 kg. Chất thải thu gom từ các doanh nghiệp nêu trên gồm chất thải nguy hại, phế liệu tái chế, tro bay, xỉ than,... Đối với chất thải nguy hại được đưa về Công ty M2 để xử lý theo quy trình, còn phế liệu tái chế thì đưa về kho tại xã T, huyện P để phân loại, bán phế liệu. Riêng tro bay, xỉ than nếu có nhu cầu sản xuất gạch không nung thì đưa về Công ty M2 để xử lý hoặc bán cho một số người mua lẻ để làm than đá, than tổ ong, phân bón... hoặc bàn giao cho Công ty TNHH T9 (Công ty T9) tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo quy trình xử lý chất thải. Đến cuối năm 2020, do muốn cắt giảm chi phí vận chuyển và chi phí xử lý chất thải, tăng lợi nhuận nên bị cáo Hứa Đ đã có ý định lấy chất thải là tro, xỉ than đem chôn, lấp vào các thửa đất tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nơi có địa hình thấp để tạo bề mặt bằng phẳng, nâng cao giá trị thửa đất, sau này có thể xây dựng nhà xưởng, kho bãi nên bị cáo Hứa Đ giao cho bị cáo Cao Thọ B1 trực tiếp quản lý điều hành công việc chôn lấp chất thải. Bị cáo Cao Thọ B1 thực hiện theo chỉ đạo của Hứa Đ, phân công các công nhân của Công ty M2 tiến hành vận chuyển, chôn lấp chất thải. Sau khi chôn lấp chất thải xong và tạo được bề mặt bằng phẳng thì sẽ tiến hành phủ đất cát hoặc đổ bê tông lên bề mặt nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Tổng khối lượng được chôn lấp là 13.094.490 kg.

[5] Hành vi chôn lấp chất thải tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Năm 2017, bị cáo Hứa Đ có lắp đặt, xây dựng 01 lò đốt chất thải sinh hoạt và công nghiệp có công suất thiết kế 40 tấn/ngày đêm trên phần đất của Công ty K3 và 01 lò đốt chất thải nguy hại, công nghiệp có công suất thiết kế 24 tấn/ngày đêm trên phần đất của Công ty M2 để xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp từ các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Khi 02 lò đốt trên đi vào hoạt động đã phát sinh ra một số lượng lớn tro, xỉ. Đối với số tro, xỉ có kích thước nhỏ, nhuyễn, bị cáo Hứa Đ chỉ đạo công nhân đóng gạch không nung. Từ năm 2018, do khối lượng tro, xỉ phát sinh hàng ngày rất lớn, việc sản xuất gạch không sử dụng hết số tro xỉ, lợi nhuận từ việc bán gạch không cao. Mặt khác, đối với loại tro, xỉ có kích thước lớn không thể đóng gạch được nên bị cáo Hứa Đ đã có ý định chôn, lấp số chất thải tro, xỉ ngay trong khuôn viên của Công ty M2 tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Hứa Đ giao cho bị cáo Hứa H làm quản lý nhà máy xử lý chất thải tại Trà Vinh, bổ nhiệm H làm Phó Giám đốc Công ty K3, bị cáo Hứa H chỉ đạo trực tiếp các công nhân của Công ty M2 vận chuyển tro, xỉ phát sinh từ các lò đốt đi chôn, lấp trong khuôn viên Công ty M2, sau đó dùng đất, cát phủ lên trên bề mặt các điểm chôn lấp chất thải nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Tổng khối lượng chất thải được chôn lấp là 6.464.823,8kg.

[6] Như vậy, tổng khối lượng chất thải được chôn lấp tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh là 19.559.313,8kg.

[7] Căn cứ kết luận giám định tư pháp ngày 05/11/2022 của ông Ngô Thành Đ1 - Giám định viên tư pháp lĩnh vực môi trường đối với chất thải chôn lấp tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Quyết định trưng cầu giám định số 752/QĐ-CSKT-Đ4 ngày 28/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, kết luận như sau: Chất thải rắn chôn, lấp trên toàn bộ khu đất gồm các thửa đất số 844, 5, 6, 10, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương là chất thải rắn thông thường (không thuộc chất thải nguy hại).

[8] Căn cứ kết luận giám định tư pháp ngày 05/11/2022 của ông Ngô Thành Đ1 - Giám định viên tư pháp lĩnh vực môi trường đối với chất thải chôn lấp tại xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương theo Quyết định trưng cầu giám định số 100/QĐ-CSKT ngày 06/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, kết luận chất thải rắn thu tại khu vực đổ, chôn lấp chất thải rắn trong khuôn viên của Công ty M2 tại thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là chất thải rắn thông thường (không thuộc chất thải nguy hại).

[9] Lời nhận tội của các bị cáo Hứa Đ và đồng phạm tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập.

[10] Hành vi của các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa Hiệp C2 lấp chất thải rắn thông thường trái phép gây ô nhiễm tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh với khối lượng 19.559.313,8kg đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

[11] Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa H về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[12] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[13] Hành vi chôn lấp trái phép chất thải rắn thông thường ra môi trường của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[14] Xét động cơ, mục đích phạm tội vì nhu cầu lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, hậu quả gây ra cho môi trường và xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Vụ án mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện tội phạm, bị cáo Hứa Đ chủ mưu nên giữ vai trò chính trong vụ án, các bị cáo Cao Thọ B1 và Hứa Hiệp G3 vai trò giúp sức cho bị cáo Hứa Đ nên giữ vai trò thấp hơn; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[15] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo Hứa H, Cao Thọ B1 phạm tội lần đầu.

[16] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hứa Đ phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Cao Thọ B1, Hứa H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[17] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Hứa Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, nộp tiền khắc phục hậu quả, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều đóng góp cho chính quyền và nhân dân tại tỉnh Trà Vinh với số tiền hơn 2,5 tỷ đồng được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với các bị cáo Cao Thọ B1 và Hứa H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp tiền khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính, chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[18] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo Hứa Đ và Hứa H là anh em ruột, bị cáo Hứa Đ đã tự nguyện hỗ trợ cho người dân và chính quyền địa phương của tỉnh Trà Vinh (cụ thể: Từ năm 2015 đã hỗ trợ cho người già neo đơn, người khuyết tật, trẻ em mồ côi và trẻ em nghèo hiếu học với số tiền 80.000.000 đồng; năm 2016 đã xây dựng 02 căn nhà tình thương trị giá trên 135.000.000 đồng; năm 2018 đã hỗ trợ 50.000.000 đồng hỗ trợ nhu yếu phẩm, khám chữa bệnh cho người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; năm 2019 đã hỗ trợ cho 1000 hộ dân bị nhiễm mặn với 2000 thùng nhựa chứa nước sinh hoạt với trị giá 100.000.000 đồng; năm 2021 đã hỗ trợ 3.000kg gạo giúp người dân trong dịch Covid 19; năm 2021 đã hỗ trợ xe chuyên dùng chở bệnh nhân nghèo khi cấp cứu, chuyển viện trong và ngoài tỉnh Trà Vinh với số tiền 1.560.000.000 đồng,... với tổng số tiền hỗ trợ hơn 2,5 tỷ đồng), bị cáo Hứa Đ đã bị tạm giam từ ngày 04/5/2023 đến ngày 21/9/2023, bị cáo Cao Thọ B1 đã bị tạm giam từ ngày 04/5/2023 đến ngày 27/9/2023, thời gian tạm giam cũng đủ giúp các bị cáo nhận thức lỗi lầm; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[19] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[20] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, kê biên tài sản đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[21] Về xử lý vật chứng:

[22] Trả lại cho ông Nguyễn Văn P1 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-426.93, nhãn hiệu: CNHTC, loại xe: Đầu kéo; màu sơn: Bạc; trọng tải: 14570 và rơ móc biển số 61R-038.46 do ông Nguyễn Văn P1 cho Công ty M2 thuê có ký hợp đồng thuê xe, không biết Công ty M2 sử dụng xe ô tô trên làm phương tiện phạm tội.

[23] Trả lại cho bà Đỗ Hoài A 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số: 61C-394.53 và 01 (một) rơmooc biển số: 61R-034.80 do bà Đỗ Hoài A cho Công ty M2 thuê có ký hợp đồng thuê xe, bà Đỗ Hoài A không biết Công ty M2 sử dụng xe ô tô trên vào việc phạm tội.

[24] Trả lại cho ông Nguyễn Khắc H3 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu KOBELCO-SK07 (số máy: YN4351, xe không bình ắc quy); 01 (một) xe cuốc hiệu LONGKING-HJ946G (số khung: YW-0579, số máy: 938264); 01 (một) xe xúc nhãn hiệu MINGYU-HJ946G (số máy: H1111520218, xe không bình ắc quy) do ông Nguyễn Khắc H3 cho Công ty TNHH M2 thuê có ký kết hợp đồng thuê xe, ông Nguyễn Khắc H3 không biết Công ty M2 sử dụng các phương tiện trên vào việc phạm tội.

[25] Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô tải biển số: 01 (một) xe ô tô tải biển số: 61C-17975, nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe tải tự đổ, số loại: 15TON; dung tích: 16031, màu sơn: Trắng, trọng tải: 11800 (số khung: 18YPTC100833, số máy: D8AYT155278); 01 (một) xe nâng hiệu KOMATSU (xe hư hỏng hoàn toàn); 01 (một) xe nâng hiệu TCM (xe hư hỏng hoàn toàn); 01 (một) xe ô tô tải ben, biển số: 72C-06170 (số khung bị rỉ sét, không xác định được ký tự, số máy: Xác định được các ký tự: H07C-044958); 01 (một) xe ô tô tải ben, biển số: BS 54V-7083 (số khung và số máy bị rỉ sét không xác định được các ký tự, xe hư hỏng hoàn toàn) là tài sản của Công ty TNHH M2 do Hứa Đ là người đại diện theo pháp luật mua lại của người khác, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

[26] Trả lại cho bị cáo Hứa Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen, số máy MNQM2VN/A của Hứa Đông; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu xanh, số máy: MGD3X/A của Hứa Đ. Trả lại cho Công ty M2 (ba) CPU máy tính màu đen (02 CPU nhãn hiệu Dell, 01 CPU không rõ nhãn hiệu của, không sử dụng vào việc phạm tội.

[27] Trả lại cho bị cáo Cao Thọ B1 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu Oppo, màu xanh đen, của Cao Thọ B1 do không sử dụng vào việc phạm tội.

[28] Tịch thu tiêu hủy chất thải rắn thông thường có khối lượng 13.094.490kg hiện đang bảo quản tại thửa đất 844, 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương là vật chứng của vụ án; buộc bị cáo Hứa Đ liên đới cùng bị cáo Cao Thọ B1 phải chịu chi phí xử lý chất thải rắn thông thường đối với khối lượng 13.094.490 kg được chôn lấp tại thửa đất 844, 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

[29] Tịch thu tiêu hủy chất thải rắn thông thường có khối lượng 6.464.823,8kg hiện đang bị chôn lấp tại thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 04, ấp T,

xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; buộc bị cáo Hứa Đ liên đới cùng bị cáo Hứa H phải chịu chi phí xử lý chất thải rắn thông thường đối với khối lượng 6.464.823,8kg được chôn lấp tại thửa đất trên.

[30] Tiếp tục kê biên tài sản và ngăn chặn giao dịch tài sản của bị cáo Hứa Đ để đảm bảo việc thi hành án, về kê biên các tài sản gồm:

[31] Tài sản 1: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[32] Tài sản 2: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[33] Tài sản 3: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[34] Tài sản 4: Thửa đất số 107 và thửa số 165, tờ bản đồ số 28 tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[35] Tài sản 5: Thửa đất số 1552, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[36] Tài sản 6: Thửa đất số 1553, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[37] Tài sản 7: Thửa đất số 663, tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[38] Tài sản 8: Thửa đất số 2132, diện tích 150m², tờ bản đồ số 10, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[39] Tài sản 9: Thửa đất số 844, diện tích 15.358,6m², thửa đất số 5 có diện tích 5236.5m², thửa đất số 6 có diện tích 8338.6m², thửa đất số 10 có diện tích 1963.8m², tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

[40] Tiếp tục ngăn chặn giao dịch các tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã có công văn gửi các cơ quan quản lý đất đai ngăn chặn giao dịch đối với các quyền sử dụng đất của Hứa Đ và bà Trần Thị Việt H4 (vợ của bị cáo Hứa Đ), gồm:

[41] Tài sản 1: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 82, diện tích 385m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 075772, số vào sổ CH 01695/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/01/2011 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[42] Tài sản 2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 82, diện tích 599m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 254645, số vào sổ CH 0195/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/02/2010 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[43] Tài sản 3: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 569, tờ bản đồ số C (DC8-2), diện tích 1.106m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 142374, số vào sổ H0 4022/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2009 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[44] Tài sản 4: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 570, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.765m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 398117, số vào sổ CS 12865 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/02/2017 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[45] Tài sản 5: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.764m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 763245, số vào sổ CS 11082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/02/2016 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[46] Tài sản 6: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1093, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.744,5m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262199, số vào sổ CH 08046/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[47] Tài sản 7: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.371m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262200, số vào sổ CH 08047/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[48] Tài sản 8: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 773, 1589, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.260,6m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 399068, số vào sổ CH 05698/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/6/2011 cho Trần Thị Việt H4 và Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

[49] Tài sản 9: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1607, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.716,9m² và thửa số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích 533,4m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 657763, số vào sổ CH 09991/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/5/2015 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[50] Đối với các nhân viên làm việc tại các bộ phận văn phòng, cơ khí, chăm công của Công ty M2 gồm: Trần Thị Tuyết N2, Trần Vũ K1, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị N3, Đỗ Văn L3 và Thạch Ngọc L5. Đây là những người làm công, hưởng lương theo hợp đồng lao động, không biết việc Hứa Đ có hành vi chôn lấp chất thải trái phép tại 02 địa điểm trên, không hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý là phù hợp.

[51] Đối với các tài xế vận chuyển tro, xỉ, công nhân trực tiếp chôn lấp tro, xỉ của Công ty M2 tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương gồm: Cao Sa N1, Nguyễn Thành L2, Trần Thanh T3, Cao Thanh T1, Thạch Ngọc C, Trần Văn T2. Đây là những người công nhân lao động nghèo, trình độ văn hóa thấp, hưởng lương theo hợp đồng lao động, không được chủ sử dụng lao động và người quản lý giải thích các quy định về xử lý môi trường, không biết việc Công ty M2 chôn lấp tro, xỉ là vi phạm pháp luật, không biết về quy trình xử lý chất thải của Công ty M2, không hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý là phù hợp.

[52] Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty M2 có thuê mướn khoảng hơn 40 công nhân làm việc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương và tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để làm công việc tài xế chở chất thải, lơ xe, phân loại phế liệu, bảo vệ... Do nhân viên của Công ty M2 chủ yếu làm thuê theo thời vụ, thay đổi thường xuyên nên Công ty M2 không có lập danh sách đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ công nhân mà chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho một số nhân viên làm việc ổn định trong thời gian dài. Danh sách này do bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Trà Vinh quản lý. Còn về thông tin nhân thân, nơi cư trú, số điện thoại của công nhân, Công ty M2 không thể cung cấp được do không có lưu trữ quản lý đầy đủ thông tin công nhân. Phần lớn công nhân có trình độ văn hóa thấp, không hưởng lợi, phần lớn là người dân tộc Khmer, ít hiểu biết về pháp luật do đó không có căn cứ để xác minh, xử lý về hành vi vi phạm pháp luật về môi trường liên quan khi họ làm việc cho Công ty M2 là phù hợp.

[53] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 235; Điều 35; Điều 47, Điều 48; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 292, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hứa Đ, bị cáo Cao Thọ B1 và bị cáo Hứa H phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hứa Đ 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

2.2. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Cao Thọ B1 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Hứa H 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

3.1. Trả lại cho ông Nguyễn Văn P1 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 61C-426.93, nhãn hiệu CNHTC, loại xe: Đầu kéo, màu sơn: Bạc, trọng tải: 14570 (số khung: LSB5FN074748, số máy: 150407010567) và 01 (một) Rơmooc BS 61R-038.46, nhãn hiệu CIMC, loại xe rơmooc, màu sơn: Xanh, trọng tải: 30660 (số khung: 2285FN030912).

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024.

3.2. Trả lại cho bà Đỗ Hoài A 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 61C-394.53, nhãn hiệu CNHTC, loại xe: Đầu kéo, màu sơn: Trắng, trọng tải: 15175 (số khung: LSB5FW877405, số máy: 150107800037) và 01 (một) Rơmooc BS 61R-034.80, nhãn hiệu CIMC, loại xe rơmooc, màu sơn: Xanh, trọng tải: 30600 (số khung: 3380FN031546).

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024.

3.3. Trả lại cho ông Nguyễn Khắc H3 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu KOBELCO-SK07 (số máy: YN4351, xe không bình ắc quy); 01 (một) xe cuốc nhãn hiệu LONGKING-HJ946G (số khung: YW-0579, số máy: 938264); 01 (một) xe xúc nhãn hiệu MINGYU-HJ946G (số máy: H1111520218, xe không bình ắc quy).

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024 và ngày 25/4/2024.

3.4. Trả lại cho bị cáo Hứa Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số máy MNQM2VN/A; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số máy: MGD3X/A.

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2024.

3.5. Trả lại cho Công ty TNHH MTV M2: 02 (hai) CPU nhãn hiệu Dell số máy: 3809450234 và 18697039671; 01 (một) CPU không rõ nhãn hiệu.

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2024.

3.6. Trả lại cho bị cáo Cao Thọ B1 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu Oppo màu xanh đen (imei 1: 867511050431954, imei 2: 867511050431947).

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2024.

3.7. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) xe ô tô tải biển số: 61C-17975, nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe tải tự đổ, số loại: 15TON; dung tích: 16031, màu sơn: Trắng, trọng tải: 11800 (số khung: 18YPTC100833, số máy: D8AYT155278);

- 01 (một) xe nâng hiệu KOMATSU (xe hư hỏng hoàn toàn);

- 01 (một) xe nâng hiệu TCM (xe hư hỏng hoàn toàn);

- 01 (một) xe ô tô tải ben, biển số: 72C-06170 (số khung bị rỉ sét, không xác định được ký tự, số máy: Xác định được các ký tự: H07C-044958);

- 01 (một) xe ô tô tải ben, biển số: BS 54V-7083 (số khung và số máy bị rỉ sét không xác định được các ký tự, xe hư hỏng hoàn toàn).

Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024 và ngày 25/4/2024.

Toàn bộ vật chứng, tài sản đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra bên trong máy.

3.8. Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là chất thải rắn thông thường có khối lượng 13.094.490kg hiện đang bảo quản tại thửa đất 844, 05, 06, 10 thuộc tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Buộc bị cáo Hứa Đ liên đới cùng bị cáo Cao Thọ B1 phải chịu chi phí xử lý chất thải rắn thông thường đối với khối lượng 13.094.490 kg được chôn lấp tại thửa đất 844, 05, 06, 10 tờ bản đồ số 03, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3.9. Tịch thu tiêu hủy chất thải rắn thông thường có khối lượng 6.464.823,8kg hiện đang bị chôn lấp tại thửa đất số 1725 thuộc tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc bị cáo Hứa Đ liên đới cùng bị cáo Hứa H phải chịu chi phí xử lý chất thải rắn thông thường đối với khối lượng 6.464.823,8kg được chôn lấp tại thửa đất số 1725 thuộc tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3.10. Tiếp tục quản thủ số tiền 6.452.000.000 đồng của các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa H để đảm bảo chi phí xử lý chất thải rắn thông thường tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Trà Vinh theo Biên lai thu tiền số 0002276 ngày 10/5/2024, số 0002279 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3.11. Tiếp tục kê biên tài sản và ngăn chặn giao dịch tài sản của bị cáo Hứa Đ để đảm bảo việc thi hành án: Tiếp tục kê biên các tài sản sau:

- Tài sản 1: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 2: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 3: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 28, tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 4: Thửa đất số 107 và thửa số 165, tờ bản đồ số 28 tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 5: Thửa đất số 1552, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 6: Thửa đất số 1553, diện tích 150m², tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 7: Thửa đất số 663, tờ bản đồ số 32, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 8: Thửa đất số 2132, diện tích 150m², tờ bản đồ số 10, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 9: Thửa đất số 844, diện tích 15.358,6m², thửa đất số 5 có diện tích 5236.5m², thửa đất số 06 có diện tích 8338.6m², thửa đất số 10 có diện tích 1963.8m², tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương do bị cáo Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

Tiếp tục ngăn chặn giao dịch đối với các tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã có công văn gửi các cơ quan quản lý đất đai ngăn chặn giao dịch đối với các quyền sử dụng đất của Hứa Đ và bà Trần Thị Việt H4 (vợ của bị cáo Hứa Đ) gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 82, diện tích 385m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 075772, số vào sổ CH 01695/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/01/2011 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 82, diện tích 599m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 254645, số vào sổ CH 0195/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/02/2010 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 569, tờ bản đồ số C (DC8-2), diện tích 1.106m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 142374, số vào sổ H0 4022/BC do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2009 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 570, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.765m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 398117, số vào sổ CS 12865 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/02/2017 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 5: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.764m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 763245, số vào sổ CS 11082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/02/2016 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 6: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1093, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.744,5m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262199, số vào sổ CH 08046/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 7: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.371m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 262200, số vào sổ CH 08047/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2013 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tài sản 8: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 773, 1589, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.260,6m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 399068, số vào sổ CH 05698/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/6/2011 cho Trần Thị Việt H4 và Hứa Đ đứng tên quyền sử dụng.

- Tài sản 9: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1607, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.716,9m² và thửa số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích 533,4m², tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 657763, số vào sổ CH 09991/BC do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/5/2015 cho bị cáo Hứa Đ và vợ là Trần Việt H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1 và Hứa H liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.618.898.000 đồng (hai tỷ sáu trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng) được khấu trừ hết số tiền 2.618.898.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo Biên lai thu số 0002275 ngày 07/5/2024. Các bị cáo không phải nộp tiếp.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo Hứa Đ, Cao Thọ B1, Hứa H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;01
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;01
- VKSND tỉnh Bình Dương;01
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;01
- VKSND huyện Phú Giáo;01
- CQCSĐT Công an H. Phú Giáo;01
- Đội CSTHAHS và HTTP;03
- UBND P Bình Chuẩn, TP Thuận An, Bình Dương (thay thông báo)01
- UBND xã Thới Thạnh, H. Thạnh Phú, T. Bến Tre (thay thông báo).01
- UBND xã Đôn Châu, H. Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (thay thông báo)01
- Chi cục THADS H. Phú Giáo;01
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;29
- Lưu: HS, VP.02

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Duyên